ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG
Số: TVHN-250/AGIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 07 tháng 9 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu biến đổi chậm, khu vực nội đồng mực nước xuống chậm.

- Khu vực sông Mekong tại Kratie (Campuchia): Mực nước đang lên chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp ngày 06/9 trên các sông, kênh ở mức xấp xỉ cao hơn so với cùng kỳ năm 2025 từ 05-30cm, thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 25-35cm, riêng tại Khánh An cao hơn TBNN từ 05-20cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống chậm, mực nước ca nhất ngày 06/9 ở mức xấp xỉ thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 10-35cm, cao hơn TBNN từ 05-20cm; mực nước thấp nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 10-25cm, thấp hơn TBNN từ 05-20cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch biến đổi chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 06/9 hầu hết ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2025 và thấp hơn TBNN từ từ 05-60cm
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô tại Xẻo Rô biến lên nhanh, đỉnh triều cao nhất ngày 06/9 ở mức 82cm trên BĐ1 02cm, lên 10cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Do ảnh hưởng lũ thượng nguồn và triều cường biển Đông nên mực nước trên các sông, kênh lên nhanh trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên nhanh theo triều trong 5 ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch có xu thế lên chậm trong 5 ngày tới.
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô đạt đỉnh triều cao nhấ trong ngày 07/9, ở mức trên BĐ1 khoảng 05cm, những ngày sau mực nước xuống chậm.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Khả năng xuất hiện ngập, úng khu vực trũng thấp vùng đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu, kênh Vĩnh Tế. Ngập lụt vùng hạ lưu sông tại Long Xuyên, Chợ Mới và khu vực cửa sông Cái Lớn-Cái Bé khi triều cường và gió mạnh trên biển.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiện tượng ngập, úng ảnh hưởng đến sinh hoạt và hoạt động sản xuất tại địa phương.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 08/9/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin

Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	06/9		05/9						07/9	08/9	09/9	10/9	11/9
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	292	3	▲	1	▲	-28	▼	302	312	322	330	335
					Hmin	267	3	▲	19	▲	-34	▼	267	279	289	297	303
Ông Chưởng	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	219	-1	▼	-19	▼	1	▲	234	249	261	271	278
					Hmin	163	1	▲	16	▲	-7	▼	167	179	189	197	203
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	397	5	▲	5	▲	16	▲	404	416	426	436	440
					Hmin	391	3	▲	7	▲	17	▲	395	407	417	425	433
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	250	-1	▼	-4	▼	-28	▼	254	269	281	291	296
					Hmin	216	1	▲	18	▲	-36	▼	216	228	238	246	252
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	184	-8	▼	-35	▼	5	▲	200	215	227	237	245
					Hmin	109	-2	▼	10	▲	1	▲	113	125	135	143	149
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	220	-3	▼	-20	▼	-13	▼	235	250	262	272	279
					Hmin	172	0	◀▶	17	▲	-20	▼	176	188	198	206	212
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	244	-2	▼	56	▲	7	▲	242	241	242	244	247
					Hmin	242	1	▲	61	▲	8	▲	239	239	239	241	244
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	102	0	◀▶	21	▲	-15	▼	100	101	102	103	104
					Hmin	98	-1	▼	22	▲	-16	▼	96	98	99	100	101
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	99	3	▲	25	▲	15	▲	99	100	101	102	103
					Hmin	92	1	▲	26	▲	17	▲	96	97	98	99	100
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	83	2	▲	12	▲	3	▲	83	84	85	86	87
					Hmin	81	3	▲	16	▲	7	▲	79	81	82	83	84
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	86	1	▲	6	▲	-1	▼	86	87	88	89	90
					Hmin	83	1	▲	8	▲	2	▲	83	84	85	86	87
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	130	0	◀▶	9	▲	-29	▼	132	134	136	139	142
					Hmin	128	-1	▼	11	▲	-27	▼	129	131	131	133	136
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	131	0	◀▶	15	▲	10	▲	131	132	133	134	135
					Hmin	126	-1	▼	14	▲	9	▲	127	128	130	131	132
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	81	1	▲	2	▲	3	▲	81	83	85	87	89
					Hmin	77	0	◀▶	3	▲	5	▲	78	80	82	84	86
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	97	-1	▼	18	▲	-22	▼	97	99	101	103	105
					Hmin	93	-2	▼	16	▲	-23	▼	94	96	98	100	102
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	137	-2	▼	2	▲	14	▲	137	138	141	144	148
					Hmin	129	-1	▼	6	▲	11	▲	131	131	134	137	141
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	185	0	◀▶	3	▲	2	▲	186	188	191	194	198
					Hmin	170	1	▲	7	▲	-2	▼	171	174	178	181	185
Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	129	0	◀▶	2	▲	-5	▼	130	131	134	137	141
					Hmin	112	0	◀▶	9	▲	-12	▼	117	119	122	125	129
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	99	-1	▼	2	▲	6	▲	99	101	103	105	107
					Hmin	93	-1	▼	6	▲	9	▲	95	96	99	101	103

Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	**78**	0	◀▶	1	▲	3	▲	78	79	81	83	85
					Hmin	**73**	0	◀▶	3	▲	2	▲	74	75	78	80	82
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	**54**	1	▲	4	▲	4	▲	55	56	57	58	59
					Hmin	**7**	3	▲	10	▲	16	▲	9	13	9	14	16
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	**82**	10	▲	28	▲	34	▲	85	81	77	73	69
					Hmin	**-16**	4	▲	-2	▼	6	▲	-18	-15	-11	-12	-8

Chú thích: ▲ *Cao hơn;* ▼ *Thấp hơn;* ◀▶ *Xấp xỉ;*

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

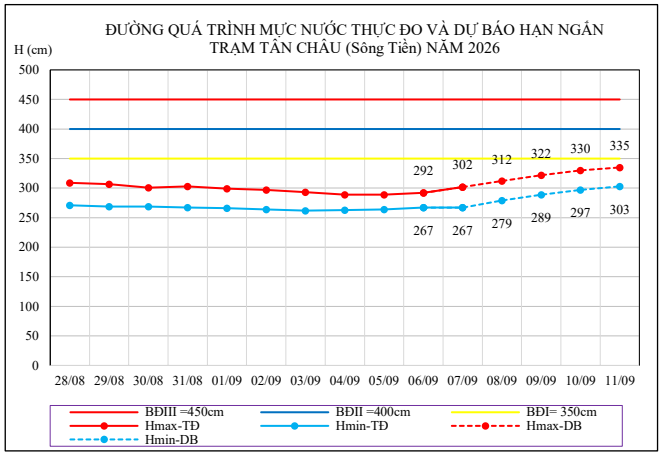

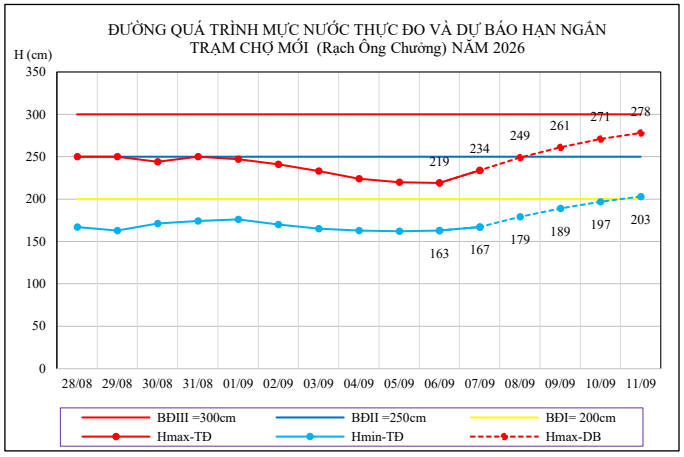

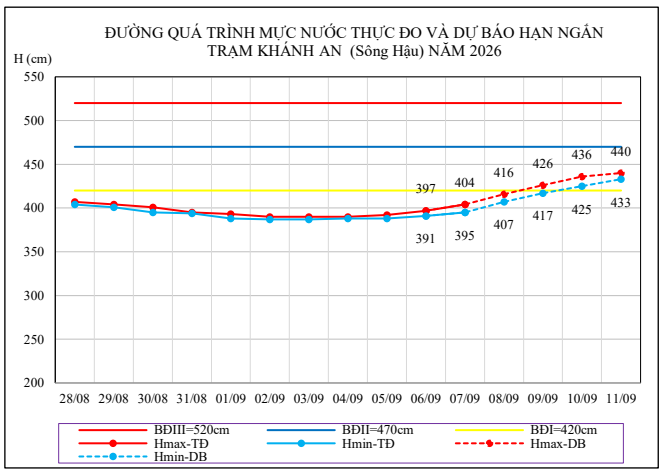

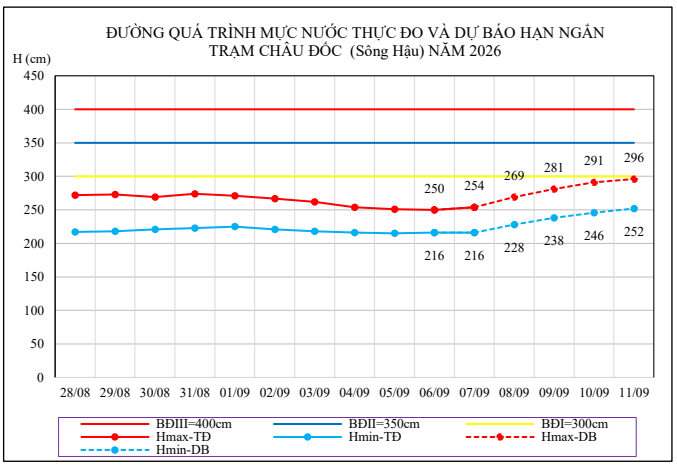

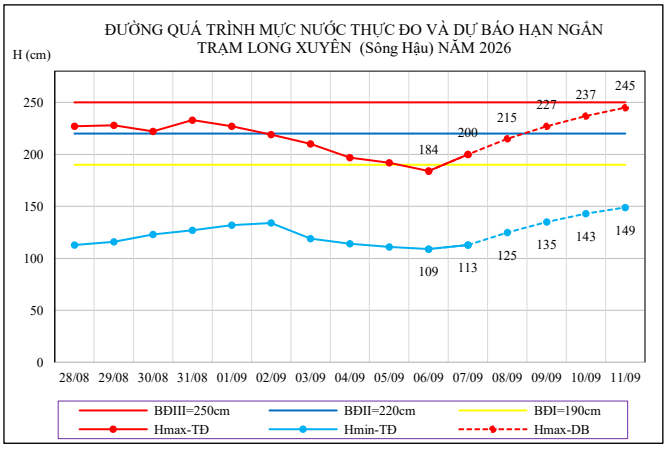

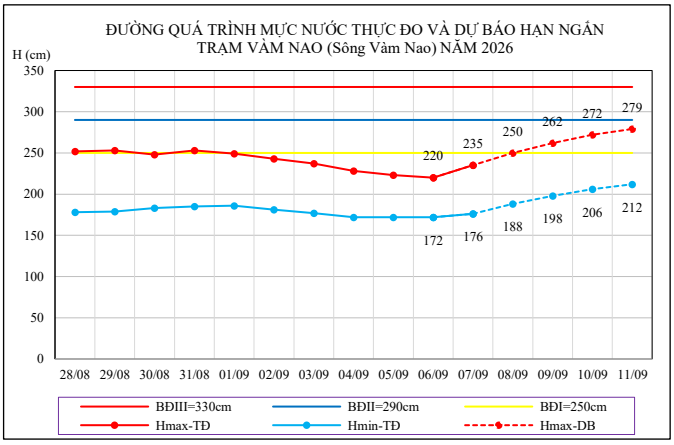

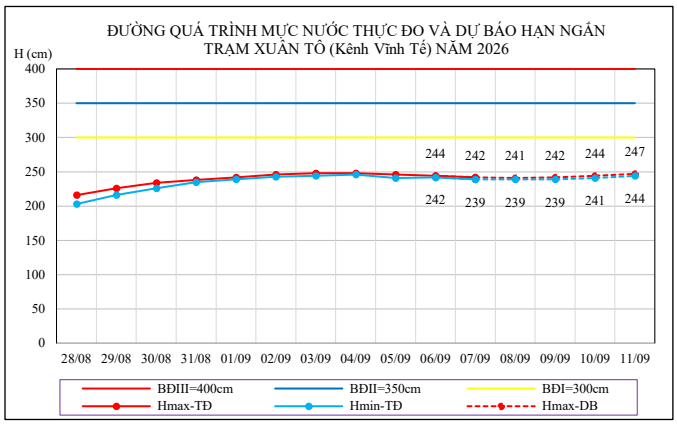
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XUÂN TÔ (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
244 242 241 242 244 247
242 239 239 239 241 244
28/08 29/08 30/08 31/08 01/09 02/09 03/09 04/09 05/09 06/09 07/09 08/09 09/09 10/09 11/09
BĐIII=400cm
BĐII=350cm
BĐI=300cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

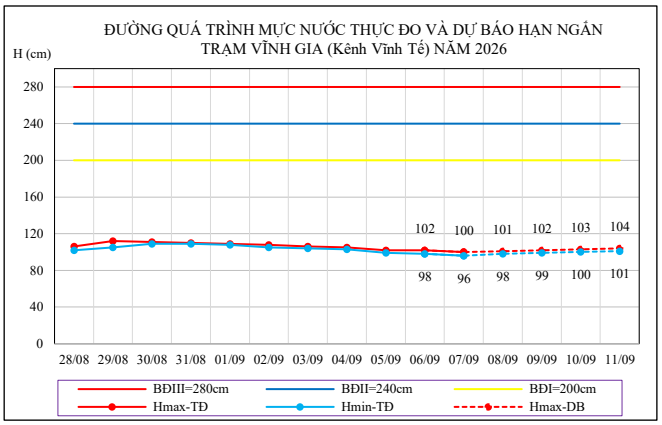
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH GIA (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
102 100 101 102 103 104
98 96 98 99 100 101
28/08 29/08 30/08 31/08 01/09 02/09 03/09 04/09 05/09 06/09 07/09 08/09 09/09 10/09 11/09
BĐIII=280cm
BĐII=240cm
BĐI=200cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

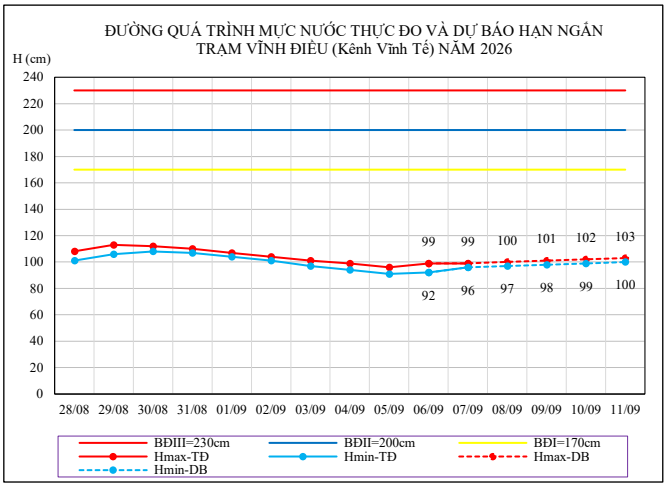
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH ĐIỀU (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
99 99 100 101 102 103
92 96 97 98 99 100
28/08 29/08 30/08 31/08 01/09 02/09 03/09 04/09 05/09 06/09 07/09 08/09 09/09 10/09 11/09
BĐIII=230cm
BĐII=200cm
BĐI=170cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

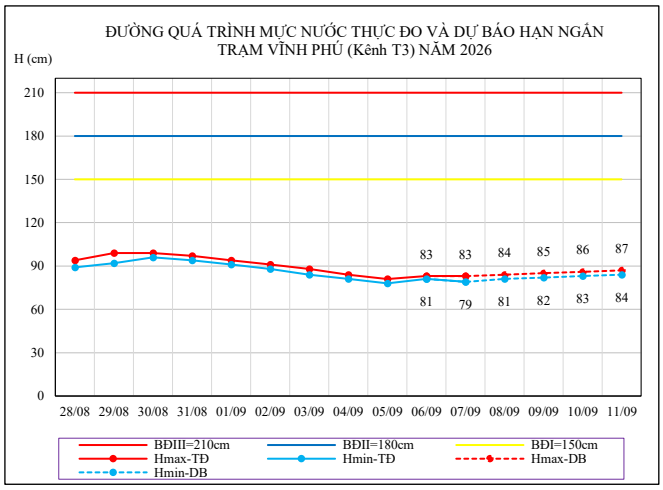
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH PHÚ (Kênh T3) NĂM 2026
H (cm)
83 83 84 85 86 87
81 79 81 82 83 84
28/08 29/08 30/08 31/08 01/09 02/09 03/09 04/09 05/09 06/09 07/09 08/09 09/09 10/09 11/09
BĐIII=210cm
BĐII=180cm
BĐI=150cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

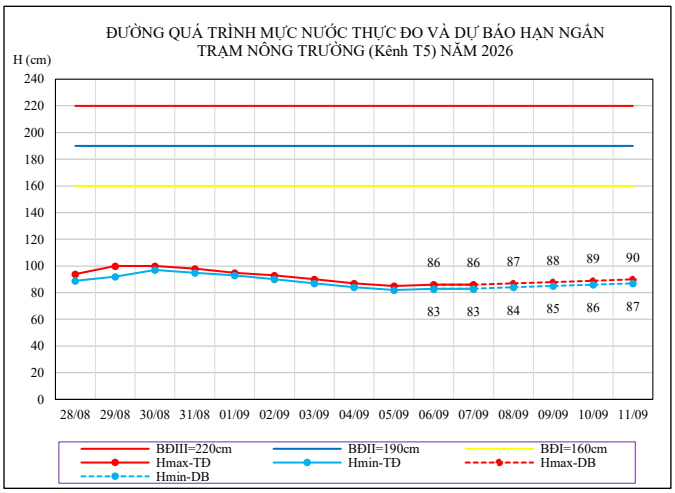
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÔNG TRƯỜNG (Kênh T5) NĂM 2026
H (cm)
86 86 87 88 89 90
83 83 84 85 86 87
28/08 29/08 30/08 31/08 01/09 02/09 03/09 04/09 05/09 06/09 07/09 08/09 09/09 10/09 11/09
BĐIII=220cm
BĐII=190cm
BĐI=160cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

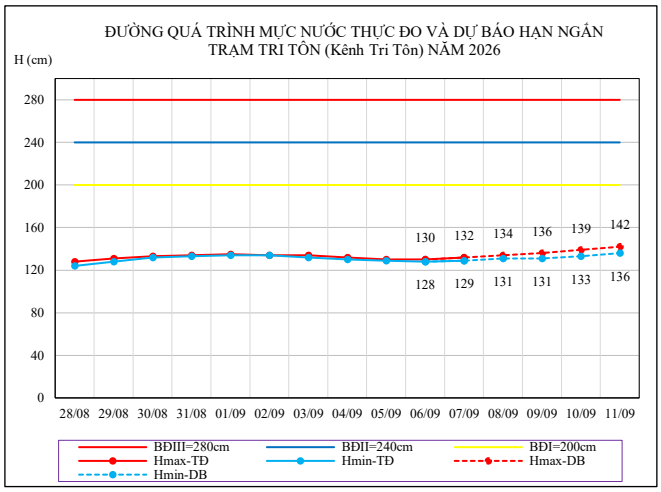
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TRI TÔN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
130 132 134 136 139 142
128 129 131 131 133 136
28/08 29/08 30/08 31/08 01/09 02/09 03/09 04/09 05/09 06/09 07/09 08/09 09/09 10/09 11/09
BĐIII=280cm
BĐII=240cm
BĐI=200cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

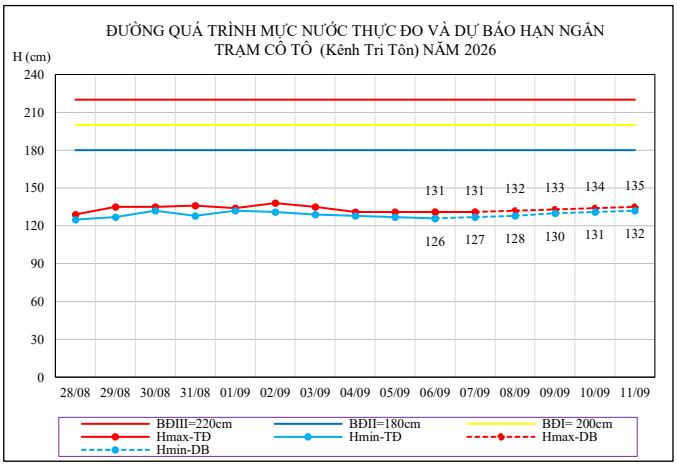
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM CỒ TÔ (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
131 131 132 133 134 135
126 127 128 130 131 132
28/08 29/08 30/08 31/08 01/09 02/09 03/09 04/09 05/09 06/09 07/09 08/09 09/09 10/09 11/09
BĐIII=220cm
BĐII=180cm
BĐI= 200cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

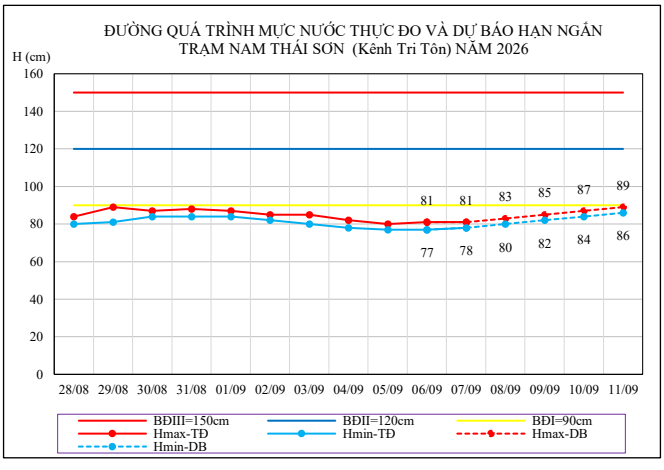
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NAM THÁI SƠN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
81 81 83 85 87 89
77 78 80 82 84 86
28/08 29/08 30/08 31/08 01/09 02/09 03/09 04/09 05/09 06/09 07/09 08/09 09/09 10/09 11/09
BĐIII=150cm
BĐII=120cm
BĐI=90cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

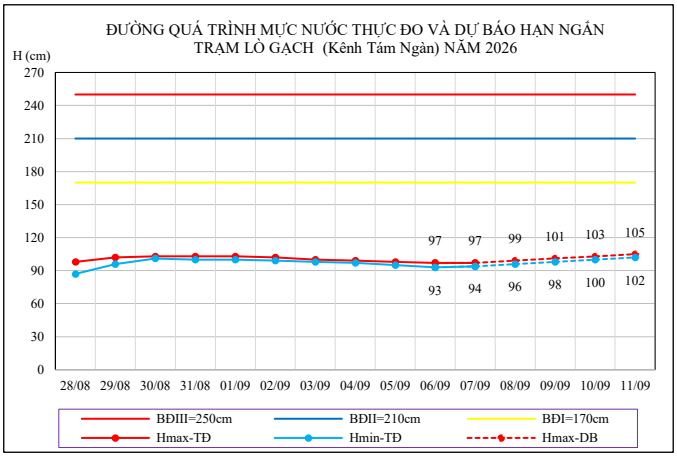
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM LÒ GẠCH (Kênh Tám Ngàn) NĂM 2026
H (cm)
97 97 99 101 103 105
93 94 96 98 100 102
28/08 29/08 30/08 31/08 01/09 02/09 03/09 04/09 05/09 06/09 07/09 08/09 09/09 10/09 11/09
BĐIII=250cm
BĐII=210cm
BĐI=170cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

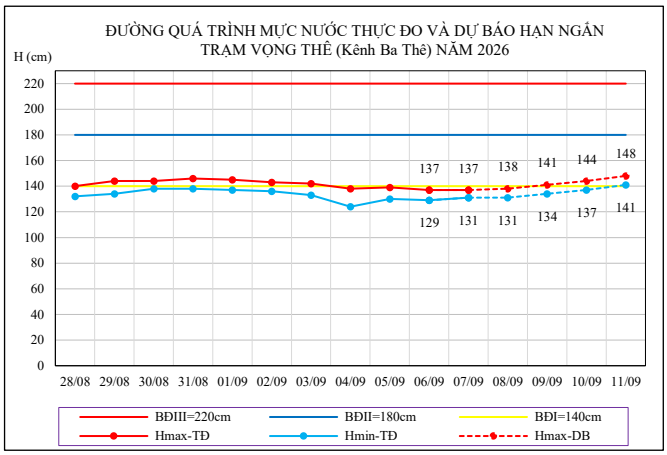
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VỌNG THÊ (Kênh Ba Thê) NĂM 2026
H (cm)
137 137 138 141 144 148
129 131 131 134 137 141
28/08 29/08 30/08 31/08 01/09 02/09 03/09 04/09 05/09 06/09 07/09 08/09 09/09 10/09 11/09
BĐIII=220cm
BĐII=180cm
BĐI=140cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

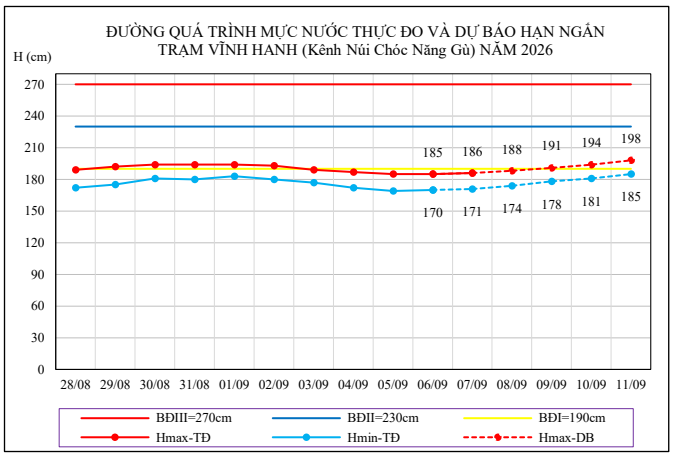
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HANH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026
H (cm)
185 186 188 191 194 198
170 171 174 178 181 185
28/08 29/08 30/08 31/08 01/09 02/09 03/09 04/09 05/09 06/09 07/09 08/09 09/09 10/09 11/09
BĐIII=270cm
BĐII=230cm
BĐI=190cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

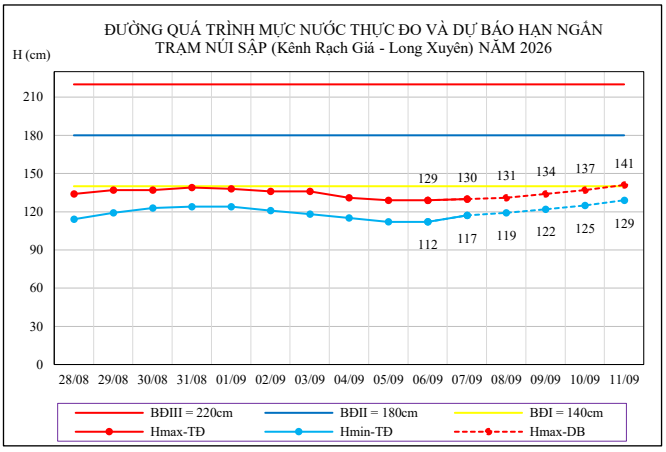
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
129 130 131 134 137 141
112 117 119 122 125 129
28/08 29/08 30/08 31/08 01/09 02/09 03/09 04/09 05/09 06/09 07/09 08/09 09/09 10/09 11/09
BĐIII = 220cm
BĐII = 180cm
BĐI = 140cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

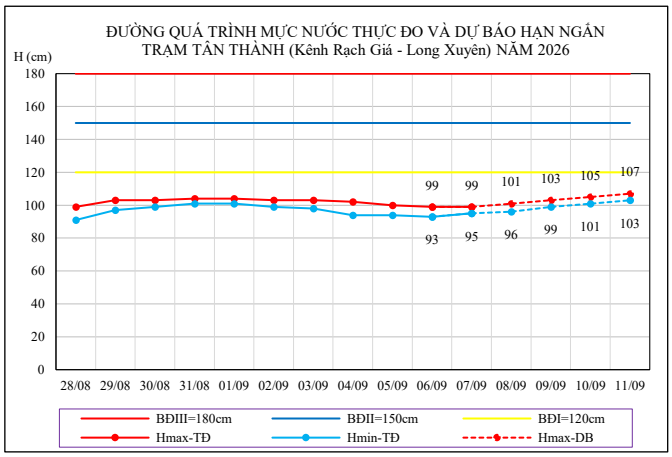
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
99 99 101 103 105 107
93 95 96 99 101 103
28/08 29/08 30/08 31/08 01/09 02/09 03/09 04/09 05/09 06/09 07/09 08/09 09/09 10/09 11/09
BĐIII=180cm
BĐII=150cm
BĐI=120cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

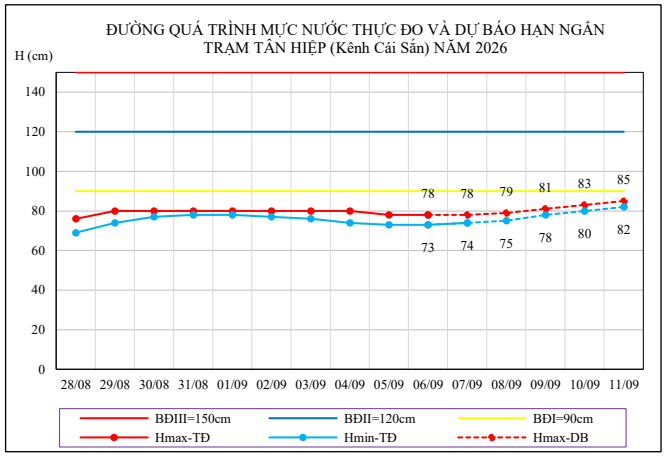
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026
H (cm)
78 78 79 81 83 85
73 74 75 78 80 82
28/08 29/08 30/08 31/08 01/09 02/09 03/09 04/09 05/09 06/09 07/09 08/09 09/09 10/09 11/09
BĐIII=150cm
BĐII=120cm
BĐI=90cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

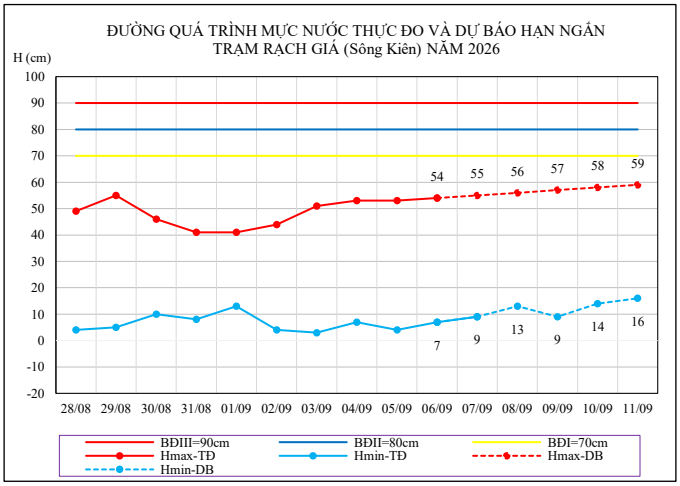
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026
H (cm)
54 55 56 57 58 59
7 9 13 9 14 16
28/08 29/08 30/08 31/08 01/09 02/09 03/09 04/09 05/09 06/09 07/09 08/09 09/09 10/09 11/09
BĐIII=90cm
BĐII=80cm
BĐI=70cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

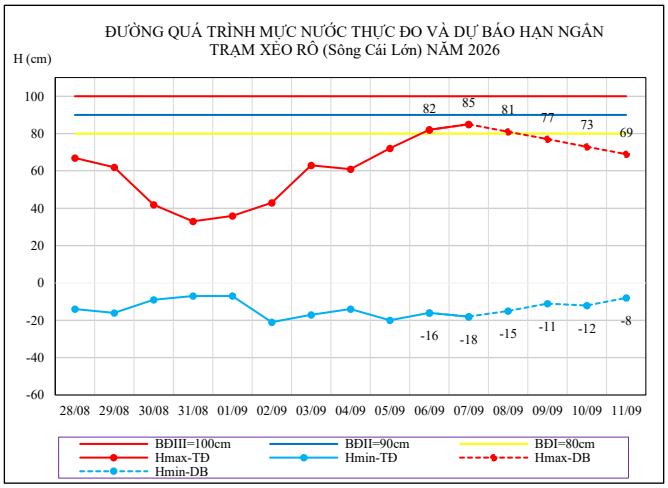
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XẺO RÔ (Sông Cái Lớn) NĂM 2026
H (cm)
82 85 81 77 73 69
-16 -18 -15 -11 -12 -8
28/08 29/08 30/08 31/08 01/09 02/09 03/09 04/09 05/09 06/09 07/09 08/09 09/09 10/09 11/09
BĐIII=100cm
BĐII=90cm
BĐI=80cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB